

Số: 1946 /KH-UBND

Gia Lai, ngày 18 tháng 12 năm 2018

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025 của tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025, UBND tỉnh Gia Lai xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”; Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025;

- Quyết định số 2658/QĐ- BGDĐT ngày 23/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025;

- Thông tư số 51/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 343/BGDĐT- ĐANN ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống GDQD giai đoạn 2017 - 2025;

- Tình hình, kết quả thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện nay của tỉnh Gia Lai.

B. TÌNH HÌNH DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO CỦA TỈNH GIA LAI

I. Chương trình dạy học ngoại ngữ:

Hiện nay, các trường phổ thông từ cấp tiểu học đến trung học cơ sở và trung học phổ thông có các chương trình dạy học ngoại ngữ như sau:

- Chương trình tiếng Anh tự chọn bắt đầu từ lớp 3 học 2 hoặc 3 tiết/1 tuần ở một số trường tiểu học.

- Chương trình tiếng Anh thí điểm bắt đầu từ lớp 3 học 4 tiết/1 tuần ở một số trường tiểu học.

	năm						năm			10 năm	
29.082	1.347	4,6 %	25.996	1.306	5 %	23.004	501	2,1	20.485	390	1,9%

3. Trung học phổ thông có 969 lớp, 39.500 học sinh học tiếng Anh, trong đó có 18 lớp, 753 học sinh học chương trình tiếng Anh 10 năm:

STT	TRƯỜNG	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
		Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp
1	THPT Nguyễn Bình Khiêm	90	2	45	1		
2	THPT Pleiku	45	1	45	1	45	1
3	THPT Chuyên Hùng Vương	40	1	40	1	38	1
4	THPT Nguyễn Huệ	40	1	37	1	44	1
5	THPT Phan Bội Châu	46	1	45	1	44	
6	THPT Trần Quốc Tuấn	76	2				
7	THPT Quang Trung			37	1	40	1
	TỔNG	337	8	249	6	167	4

Tỷ lệ học sinh học tiếng Anh chương trình 10 năm ở các lớp trung học phổ thông học năm học 2017 - 2018 như sau:

Lớp 10			Lớp 11			Lớp 12		
Tổng số học sinh	TSHS học chương trình TA 10 năm	Tỷ lệ	Tổng số học sinh	TSHS học chương trình TA 10 năm	Tỷ lệ	Tổng số học sinh	TSHS học chương trình TA 10 năm	Tỷ lệ
15.177	337	2,2%	12.950	249	1,9%	11.373	167	1,46%

III. Đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ:

- Giáo dục tiểu học có 230 giáo viên dạy tiếng Anh/278 trường tiểu học, trong đó có 196 giáo viên đạt chuẩn B2, tỷ lệ 85,2%.

- Giáo dục trung học cơ sở có 593 giáo viên dạy tiếng Anh/241 trường THCS, trong đó có 572 giáo viên đạt chuẩn B2 trở lên, tỷ lệ 96,4%.

STT	Đơn vị	GV TA dạy tiểu học			GVTA dạy THCS		
		TS	Đạt B2	Đạt C1	TS	Đạt B2	Đạt C1
1	Pleiku	40	40	0	124	120	2
2	An Khê	22	10	1	36	35	0
3	Ayun Pa	9	8	1	22	22	0
4	Chư Pah	12	11	1	27	27	0
5	Ia Grai	14	13	1	34	33	0
6	Đức Cơ	18	18	0	24	22	1
7	Chư Prông	17	17	0	48	42	0
8	Chư Sê	12	8	1	40	40	0

9	Chư Puh	15	8	0	26	22	0
10	Phú Thiện	7	5	0	30	30	0
11	Ia Pa	4	4	0	12	12	0
12	Krông Pa	7	7	0	32	30	0
13	Đak Đoa	19	10	0	41	40	0
14	Mang Yang	10	8	2	20	20	0
15	Đak Pơ	10	8	0	22	22	0
16	KBang	9	9	0	31	31	0
17	Kông Chro	5	4	1	24	20	1
	Cộng	230	188	8	593	568	4

- Giáo dục trung học phổ thông có 244 giáo viên dạy tiếng anh/46 trường THPT công lập, trong đó có 233 giáo viên đạt chuẩn C1 trở lên, tỷ lệ 95,5%.

- Khoa ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Sư phạm của tỉnh có 16 giảng viên, trong đó có 09 giảng viên đạt chuẩn C1; 02 giảng viên có học vị Tiến sĩ (nghiên cứu sinh tại Úc và Niu Di Lân).

- Các cơ sở giáo dục thường xuyên có 07 giáo viên dạy tiếng Anh, trong đó có 06 giáo viên đạt chuẩn C1.

- Giáo dục nghề nghiệp có 05 giáo viên dạy tiếng Anh.

IV. Trang thiết bị dạy học ngoại ngữ:

- Giáo dục tiểu học có 217/278 trường có thiết bị dạy học ngoại ngữ tỷ lệ 78%.

- Giáo dục trung học cơ sở có 195/241 trường có thiết bị dạy học ngoại ngữ, tỷ lệ 81%.

STT	Đơn vị	Tiểu học		Trung học cơ sở	
		TS Trường	TS Trường có thiết bị dạy học ngoại ngữ	TS Trường	TS Trường có thiết bị dạy học ngoại ngữ
1	Pleiku	31	33	20	20
2	An Khê	12	10	8	7
3	Ayun Pa	7	7	8	7
4	Chư Pah	17	14	17	14
5	Ia Grai	20	14	15	11
6	Đức Cơ	19	18	14	14
7	Chư Prông	21	12	22	14
8	Chư Sê	20	19	17	15
9	Chư Puh	17	11	8	6
10	Phú Thiện	17	12	12	12
11	Ia Pa	12	4	11	11
12	Krông Pa	20	7	15	11
13	Đak Đoa	22	22	18	18
14	Mang Yang	14	14	13	13
15	Đak Pơ	6	6	10	6
16	KBang	15	10	18	12
17	Kông Chro	8	4	15	4

- Giáo dục trung học phổ thông có 47 trường (có 01 trường tư thục), trong đó 06 trường có thiết bị dạy học ngoại ngữ, tỷ lệ 12,8%.

- Có 01 trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và 16 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện chưa có thiết bị dạy học ngoại ngữ.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã ghi vốn đầu tư 36 tỷ đồng mua thiết bị dạy học ngoại ngữ cho các trường học trên địa bàn tỉnh.

V. Chất lượng dạy và học ngoại ngữ

Kết quả thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh cho thấy tỷ lệ học sinh có điểm môn tiếng Anh từ trung bình trở lên trong 03 năm gần đây còn thấp. Kỹ năng giao tiếp và kỹ năng thực hành ngôn ngữ của học sinh trên địa bàn còn rất hạn chế.

Năm học	Tỷ lệ % học sinh có điểm từ 5 trở lên
2015-2016	28,95
2016-2017	29,16
2017-2018	15,2

Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh của Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh tốt nghiệp ra trường chưa đạt chuẩn B2 theo khung năng lực ngoại ngữ 06 bậc của Việt Nam.

VI. Đánh giá chung về thực trạng dạy và học ngoại ngữ

Đội ngũ giáo viên phổ thông dạy ngoại ngữ đạt chuẩn theo khung năng lực ngoại ngữ 06 bậc của Việt Nam bình quân toàn tỉnh là 92,6%. 78% trường tiểu học và 81% trường trung học cơ sở đã có thiết bị dạy học ngoại ngữ. Nhìn chung các cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh đã đảm bảo tương đối điều kiện về thiết bị và đội ngũ giáo viên đạt chuẩn để triển khai dạy chương trình tiếng Anh 10 năm. Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh và các cơ sở giáo dục thường xuyên chưa đảm bảo các điều kiện để triển khai thực hiện Quyết định số 2080/QĐ- TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

C. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, tiếp tục triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu học tập và làm việc; tăng cường năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; tạo nền tảng phổ cập ngoại ngữ cho giáo dục phổ thông vào năm 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giáo dục mầm non: Phân đầu đến năm 2020 có 10% và đến năm 2025 có 20% trường mầm non thí điểm dạy tiếng Anh.

b) Giáo dục phổ thông: Phần đầu đến năm 2021 có 100% học sinh lớp 3 học chương trình tiếng Anh 10 năm và 100% học sinh lớp 6 học tiếng Anh chương trình 10 năm vào năm 2025 (*Có bảng phụ lục 1 kèm theo*).

Triển khai thực hiện các chương trình dạy và học bằng tiếng Anh cho môn Toán và một số môn khoa học tự nhiên cho một số lớp ở Trường THPT Chuyên Hùng Vương và ở một số trường THPT có điều kiện.

c) Cơ sở đào tạo có ngành sư phạm ngoại ngữ: Đến năm 2020, phần đầu 100% sinh viên chuyên ngành tiếng Anh của Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh tốt nghiệp đạt yêu cầu theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và khung năng lực giáo viên ngoại ngữ theo các cấp học và trình độ đào tạo.

d) Giáo dục thường xuyên: Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ trong các trung tâm GDNN - GDTX, góp phần tích cực vào công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện đa dạng hoá các hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu người học trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích dạy ngoại ngữ cho học viên các lớp giáo dục thường xuyên trung học phổ thông. Từ năm 2019 trở đi, mỗi năm mở 04 lớp dạy ngoại ngữ (100 học viên) theo chuẩn công chức, viên chức dành cho cán bộ quản lý trường học và giáo viên, giảng viên.

đ) Giáo dục nghề nghiệp: Đến năm 2025 có 50% các trường trung cấp, cao đẳng triển khai chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành, nghề đào tạo và 50% học sinh trung cấp có năng lực ngoại ngữ đạt tương đương bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; 60% học sinh hệ cao đẳng có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

II. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Nhiệm vụ

a) Quy định môn ngoại ngữ được dạy và học trong các trường tiểu học, THCS, THPT, cơ sở GDTX trên địa bàn tỉnh là tiếng Anh .

b) Dựa vào khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, hướng dẫn các cơ sở xây dựng phân phối chương trình, kế hoạch dạy học chi tiết, cụ thể, phù hợp đối tượng, vùng miền. Đảm bảo tính liên thông giữa các cấp học.

c) Triển khai đào tạo theo chương trình ngoại ngữ mới đối với Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh. Nội dung chương trình đào tạo giáo viên ngoại ngữ phải bám sát và phù hợp với chương trình ngoại ngữ 10 năm ở phổ thông.

d) Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ. Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; nâng cao hiệu quả công tác khảo thí, kiểm định chất lượng môn ngoại ngữ.

2. Giải pháp

a) *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dạy, người học và toàn xã hội; chỉ đạo, quản lý có hiệu quả hoạt động dạy học ngoại*

Ngành Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, nhằm nâng cao nhận thức xã hội, nhất là đối với học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức về lợi ích dạy và học ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Thu hút sự quan tâm, đóng góp của cộng đồng cho công tác dạy và học ngoại ngữ.

Thực hiện nghiêm túc hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân. Điều tra nhu cầu học ngoại ngữ, thống kê số lượng, chất lượng của học sinh và đội ngũ giáo viên, điều kiện về cơ sở vật chất để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp từng giai đoạn. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị.

Gắn việc học ngoại ngữ với yêu cầu sử dụng thường xuyên ở các mức độ khác nhau đối với cán bộ, công chức, viên chức. Có chế độ ưu tiên trong tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm đối với người sử dụng thành thạo ngoại ngữ.

b) Tập trung đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ

- Trên cơ sở điều tra nhu cầu học ngoại ngữ, thống kê số lượng, chất lượng học sinh các cấp học, tiến hành khảo sát, phân loại đội ngũ giáo viên hiện có theo khung năng lực 6 bậc để có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng hàng năm, nhằm chuẩn hoá trình độ đào tạo theo quy định, đáp ứng các tiêu chí hiện hành.

- Đối với Trường Cao đẳng Sư phạm và Trường THPT Chuyên Hùng Vương khuyến khích, tạo cơ chế thuận lợi để các trường này liên kết, hợp tác đào tạo, giảng dạy; thu hút sự giúp đỡ, tham gia của các cơ sở đào tạo có uy tín, đội ngũ giáo viên tình nguyện có chất lượng và kinh nghiệm dạy học ngoại ngữ.

- Đổi mới các khóa đào tạo giáo viên ngoại ngữ của Trường Cao đẳng Sư phạm, nghiên cứu bổ sung, nâng cao một số nội dung, nhằm đào tạo được giáo viên đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ cấp tiểu học, THCS ngay sau khi ra trường và gắn đào tạo tại trường với thực tế giảng dạy phổ thông.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng gắn với yêu cầu công tác. Khuyến khích giáo viên, giảng viên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, hỗ trợ tham gia các lớp bồi dưỡng trong nước và quốc tế. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên ngoại ngữ một cách ổn định, bền vững. Kinh phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, thực hiện theo phương thức Nhà nước, nhà trường và giáo viên, giảng viên cùng góp sức.

c) Đảm bảo đủ số lượng giáo viên dạy tiếng Anh cho các trường phổ thông

Đối với các trường công lập, căn cứ nhu cầu giáo viên thực tế và chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao để tuyển dụng đủ số lượng giáo viên dạy tiếng Anh theo quy định, đáp ứng yêu cầu chương trình ngoại ngữ mới.

d) Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục môn học ở các nhà trường một cách phù hợp, hiệu quả. Giáo viên chủ động, tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tối đa tính tích cực của người học; chú trọng rèn luyện các kỹ năng nói,

học; xác định đổi mới phương pháp là điều kiện cơ bản kích thích sự chuyên cần và ham mê học ngoại ngữ của học sinh, sinh viên.

- Tổ chức các hội thi, hội nghị, hội thảo, giao lưu ngoại ngữ giữa các đơn vị trong tỉnh, ngoài tỉnh; tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia các hội thảo, hội nghị về ngoại ngữ bằng tiếng nước ngoài do các trường đại học hoặc các tổ chức quốc tế tổ chức. Xây dựng môi trường thuận lợi, hỗ trợ việc dạy và học ngoại ngữ, tạo động cơ học tập ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên và lực lượng lao động trẻ. Tạo cơ hội cho giáo viên, học sinh giao lưu ngoại ngữ với các trường quốc tế.

- Các cơ sở giáo dục phát huy vai trò câu lạc bộ ngoại ngữ giáo viên, giảng viên, câu lạc bộ ngoại ngữ học sinh, sinh viên với nội dung sinh hoạt thiết thực, tạo môi trường học tập ngoại ngữ sôi nổi trong các nhà trường.

- Phát huy năng lực các tổ giáo viên cốt cán ngoại ngữ các cấp học, tăng cường giúp đỡ các nhà trường về chuyên môn. Ngành Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các nhà trường đổi mới linh hoạt hình thức sinh hoạt chuyên môn; tổ chức câu lạc bộ và sinh hoạt chuyên môn ngoại ngữ theo trường và cụm trường để trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, tăng cường giao tiếp ngoại ngữ; đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ.

đ) Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho dạy và học ngoại ngữ

- Từng bước đầu tư mua sắm thiết bị dạy và học ngoại ngữ cho các cơ sở giáo dục theo lộ trình triển khai kế hoạch. Xây dựng các phòng học đa năng, bổ sung thiết bị dạy học thông dụng cho các nhà trường (theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành) phục vụ cho việc dạy và học ngoại ngữ các cấp học.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ hàng năm về sử dụng thiết bị dạy học ngoại ngữ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học ngoại ngữ ở các nhà trường. Khuyến khích mỗi giáo viên ngoại ngữ tự trang bị máy tính xách tay và sử dụng thành thạo internet để làm giàu năng lực, trí tuệ, phục vụ giảng dạy, công tác.

e) Thực hiện đầy đủ cơ chế, chính sách của Nhà nước, của tỉnh dành cho đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ

- Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách dành cho giáo viên, trong đó có giáo viên ngoại ngữ. Bổ sung những cơ chế, chính sách phù hợp của tỉnh dành cho đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ các cấp học, tạo điều kiện thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao chất lượng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thu hút sự đóng góp của các lực lượng xã hội cho dạy và học ngoại ngữ.

g) Tăng cường hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ

Khuyến khích đầu tư nước ngoài trong phát triển mở rộng các loại hình cơ sở đào tạo ngoại ngữ. Khuyến khích các trường có điều kiện thực hiện các chương trình hợp tác, liên kết đào tạo ngoại ngữ với các trường ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường THPT Chuyên Hùng Vương phối hợp với các trường đại học, các tổ chức trong và ngoài nước để học sinh, sinh viên được trải nghiệm tại môi trường ngoại ngữ chuẩn với giáo viên bản ngữ; các trung tâm ngoại ngữ tin học phát huy năng lực, triển khai việc đưa giáo viên nước ngoài đạt chuẩn về dạy ngoại ngữ tại các trường phổ thông.

h) Kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án của các đơn vị, đặc biệt đối với giáo dục phổ thông, nhằm thúc đẩy chất lượng dạy học ngoại ngữ

Xây dựng kế hoạch, định kỳ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch dạy học ngoại ngữ của các nhà trường, đảm bảo mục tiêu tư vấn thúc đẩy và điều chỉnh quá trình thực hiện hiệu quả.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường THPT, trung tâm GDNN - GDTX, Phòng Giáo dục và Đào tạo đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động dạy và học ngoại ngữ của giáo viên và học sinh. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra giáo viên, nhằm tư vấn, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động dạy và học của các nhà trường.

3. Lộ trình triển khai

a) Giai đoạn 2018 - 2020

Tiếp tục triển khai chương trình ngoại ngữ 10 năm phổ thông trên quy mô toàn tỉnh. Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao, tiếp tục tuyển dụng giáo viên ngoại ngữ, chú trọng tuyển dụng giáo viên tiếng Anh có trình độ cao. Chú trọng bồi dưỡng năng lực giáo viên ngoại ngữ các cấp học theo khung năng lực ngoại ngữ. Xây dựng các phòng dạy học ngoại ngữ, phòng nghe nhìn và phòng học đa phương tiện cho các cấp học.

b) Giai đoạn 2021 - 2025

Tiếp tục củng cố, phát huy kết quả thực hiện Đề án trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2020; đánh giá, rút kinh nghiệm những mặt còn hạn chế để triển khai hiệu quả hơn trong giai đoạn 2021 - 2025. Tập trung vào công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy ngoại ngữ đạt chuẩn theo quy định, có năng lực ngoại ngữ tốt, phương pháp dạy học đổi mới theo hướng tích cực và hiệu quả. Tăng cường nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ngoại ngữ, trong đó chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ về ý thức và năng lực sử dụng hiệu quả các thiết bị trong quá trình giảng dạy.

Tiếp tục triển khai chương trình ngoại ngữ 10 năm đối với học sinh phổ thông trong toàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc triển khai chương trình của giai đoạn trước để cải tiến hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy trong các cấp học ở giai đoạn tiếp theo.

4. Kinh phí

a) Tổng kinh phí thực hiện cả giai đoạn 2017-2025: 24,3 tỷ đồng, cụ thể:

- Kinh phí mua tài liệu dạy và học: Khoảng 6 tỷ đồng.
- Kinh phí bồi dưỡng giáo viên: Khoảng 10 tỷ đồng.

- Kinh phí mua thiết bị dạy học ngoại ngữ: Khoảng 6,3 tỷ đồng.
- Kinh phí xây dựng môi trường dạy và học ngoại ngữ: Khoảng 1 tỷ đồng.
- Kinh phí thuê kiểm định chất lượng: Khoảng 1 tỷ đồng

b) Nguồn kinh phí: *(Theo phụ lục 2 chi tiết về hoạt động và kinh phí)*

- Trung ương hỗ trợ (qua Bộ Giáo dục - Đào tạo): Khoảng 6 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương (qua Sở Giáo dục và Đào tạo): Khoảng 18,3 tỷ đồng.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố cụ thể hoá nội dung Kế hoạch thành các chương trình, kế hoạch thực hiện chi tiết để chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết việc triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi toàn tỉnh theo hằng năm và từng giai đoạn, định kỳ báo cáo UBND tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ để tuyển dụng, sử dụng, quản lý giáo viên ngoại ngữ trong các trường phổ thông theo quy định; chỉ đạo Trường Cao đẳng Sư phạm của tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ cấp tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ mới 10 năm theo Đề án của Chính phủ.

- Tích cực, chủ động triển khai các nhiệm vụ trong thẩm quyền mà Kế hoạch giao.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục - Đào tạo và các đơn vị có liên quan tổng hợp và phân bổ kế hoạch kinh phí (nguồn đầu tư phát triển) triển khai thực hiện đề án theo kế hoạch hàng năm và 5 năm trình UBND tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo và các sở, ngành, cơ quan liên quan phân bổ, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu, chi kinh phí thực hiện Kế hoạch theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

4. Sở Nội vụ

Hàng năm, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ nhu cầu giáo viên thực tế và chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao để tuyển dụng giáo viên cho các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ mới 10 năm theo Đề án của Chính phủ.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức toàn xã hội về vai trò vị trí của ngoại ngữ trong giai đoạn hiện nay đối với phát triển

kinh tế xã hội của tỉnh, các chương trình đổi mới công tác đào tạo ngoại ngữ trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu mới.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan chức năng ở địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương, định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành, cơ quan liên quan cấp tỉnh để chỉ đạo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu, kế hoạch chung của tỉnh.

7. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động liên quan đến công tác quản lý dạy học, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, dạy học ngoại ngữ trong cơ sở mình, đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đã đặt ra.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 của tỉnh Gia Lai. UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo, phản ánh tình hình, đề xuất với UBND tỉnh để chỉ đạo./

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa-Xã hội HĐND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục-ĐT; Nội vụ;
- Tài chính; Kế hoạch-ĐT; Thông tin và TT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI HÒA CHỦ TỊCH



Huỳnh Nữ Thu Hà


BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH HỌC TIẾNG ANH CHƯƠNG TRÌNH 10 NĂM ĐẾN NĂM 2025

 (Ban hành kèm theo kế hoạch số 2946/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018.....)

Lớp	2018 - 2019			2019 - 2020			2020 - 2021			2021 - 2022			2022 - 2023			2023 - 2024			2024 - 2025					
	HS	Số lớp	Tỷ lệ học TA %	HS	Số lớp	Tỷ lệ học TA %	HS	Số lớp	Tỷ lệ học TA %	HS	Số lớp	Tỷ lệ học TA %	HS	Số lớp	Tỷ lệ học TA %	HS	Số lớp	Tỷ lệ học TA %	HS	Số lớp	Tỷ lệ học TA %	HS	Số lớp	Tỷ lệ học TA %
12	167	4	1,5	249	6	1,9	337	8	2,2	390	9	1,9	501	12	2,1	1.306	31	5	1347	33	4,6	6.778	218	2,2
11	249	6	1,9	337	8	2,2	390	9	1,9	501	12	2,1	1.306	31	5	1347	33	4,6	6.778	218	22,2	11.949	428	3,7
10	337	8	2,2	390	9	1,9	501	12	2,1	1.306	31	5	1347	33	4,6	6.778	218	22,2	11.949	428	37,7	14.309	507	4,6
9	390	9	1,9	501	12	2,1	1.306	31	5	1347	33	4,6	6.778	218	22,2	11.949	428	37,7	14.309	507	42,9	21.668	722	7,7
8	501	12	2,1	1.306	31	5	1347	33	4,6	6.778	218	22,2	11.949	428	37,7	14.309	507	42,9	21.668	722	70%	28.452	948	8,8
7	1.306	31	5	1347	33	4,6	6.778	218	22,2	11.949	428	37,7	14.309	507	42,9	21.668	722	70%	28.452	948	80%	31.500	1050	9,9
6	1347	33	4,6	6.778	218	22,2	11.949	428	37,7	14.309	507	42,9	21.668	722	70%	28.452	948	80%	31.500	1050	90%	35000	1166	10,0
5	6.778	218	22	11.949	428	37,7	14.309	507	42,9	21.668	722	70%	28.452	948	80%	31.500	1050	90%	35000	1166	100%	35000	1166	10,0
4	11.949	428	38	14.309	507	42,9	21.668	722	70%	28.452	948	80%	31.500	1050	90%	35000	1166	100%	35000	1166	100%	35000	1166	10,0
3	14.309	507	43	21.668	722	70%	28.452	948	80%	31.500	1050	90%	35000	1166	100%	35000	1166	100%	35000	1166	100%	35000	1166	10,0

UBND TỈNH GIA LAI

**BẢNG TỔNG HỢP LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN GIAI ĐOẠN 2017 - 2025**

(Kèm theo kế hoạch số 1946/Kt-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018)

STT	Hoạt động đề xuất	Kết quả dự kiến	Lộ trình thực hiện từng năm				Nguồn kinh phí đề xuất (triệu đồng)		
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021 - 2025	Tổng kinh phí đề xuất	Ngân sách hỗ trợ từ Trung ương (qua Bộ GDĐT)	Ngân sách địa phương (qua Sở GD&ĐT)
I	Chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ								
1	Tài liệu dạy và học cấp cho 600 trường, trung tâm, cơ quan quản lý	Bộ tài liệu giảng dạy		Mua theo hướng dẫn của Bộ GDĐT	Mua theo hướng dẫn của Bộ GDĐT	Mua theo hướng dẫn của Bộ GDĐT	6.000	0	6.000
II	Kiểm tra đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ								
1	Thuê kiểm định chất lượng	520 trường PT, 18 TTGD TX và Trường CĐSP, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được kiểm tra, đánh giá. Biết được kết quả dạy học ngoại ngữ của toàn tỉnh.		Trưởng, phòng GDĐT Sở GDĐT kiểm tra	Trưởng, phòng GDĐT Sở GDĐT kiểm tra	Thuê kiểm định chất lượng dạy học ngoại ngữ	1000	0	1.000
III	Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên								
1	Bồi dưỡng năng lực cho giáo viên, giảng viên trong nước	Giáo viên, giảng viên được nâng cao về năng lực giảng dạy		Bồi dưỡng PPGD cho 50% GVTATH& THCS; 30% GVTATHPT	Bồi dưỡng PPGD cho 40% GVTA THPT	Bồi dưỡng nâng cao năng lực yêu cầu thực tế và hướng dẫn của Bộ GDĐT	10.000	6.000	4.000

STT	Hoạt động đề xuất	Kết quả dự kiến	Lộ trình thực hiện từng năm				Nguồn kinh phí đề xuất (triệu đồng)		
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021 - 2025	Tổng kinh phí đề xuất	Ngân sách hỗ trợ từ Trung ương (qua Bộ GD&ĐT)	Ngân sách địa phương (qua Sở GD&ĐT)
	Mùa thiết bị dạy và học ngoại ngữ								
1	Mùa thiết bị dạy và học ngoại ngữ CSGDTX: 18 bộ	21 bộ thiết bị dạy học ngoại ngữ được cấp cho các CSGDTX và cơ sở giáo dục nghề nghiệp	0	0	21	0	6.300	0	6.30
V	Xây dựng môi trường dạy học ngoại ngữ								
1	Tổ chức hội thi, hội thảo giao lưu ngoại ngữ trong tỉnh, trong nước	Năng lực ngoại ngữ của giáo viên, học sinh được nâng cao			Tổ chức ít nhất 01 hội thi, hội thảo giao lưu trong tỉnh, trong nước	Mỗi năm tổ chức ít nhất một hội thi, hội thảo giao lưu ngoại ngữ trong tỉnh, trong nước	1.000	0	1.00
Cộng							24300	6000	1830